

Số: 111/2019/QĐST-HNGĐ

Đ, ngày 26 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 202/2019/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2019 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Cà Thị L, sinh năm 1984; địa chỉ: Bản Ta Pô, phường T, thành phố Đ, tỉnh B.

- Bị đơn: Anh Lò Văn L1, sinh năm 1978; địa chỉ: Bản Ta Pô, phường T, thành phố Đ, tỉnh B.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan: Ngân hàng chính sách xã hội - Chi nhánh tỉnh B; địa chỉ: SN 24, đường Tôn Thất Tùng, phường Mường Thanh, thành phố Đ, tỉnh B.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 11 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 11 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Cà Thị L và anh Lò Văn L1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

* Về hôn nhân: Chị Cà Thị L và anh Lò Văn L1 thuận tình ly hôn.

* Về con chung: Chị Cà Thị L và anh Lò Văn L1 có 02 con chung là cháu Lò Văn Chính, sinh ngày 17/6/2003 và cháu Lò Văn Thành, sinh ngày 19/4/2008. Chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đối với cháu Chính và cháu Thành; việc cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con thực hiện theo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình VN.

* Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

* Về nợ chung, nợ riêng: Anh L1 và chị L có khoản nợ Ngân hàng chính sách xã hội - Chi nhánh tỉnh B chương trình cho vay hộ nghèo; mã món vay:

6600000709677898 ngày 16/3/2017; số tiền vay: 50.000.000 đồng; lãi suất tiền vay: 6,6%/năm; số dư nợ đến ngày 29/10/2019 là 42.098.729 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 42.000.000 đồng; lãi là 98.729 đồng);

- Anh Lò Văn L1 có trách nhiệm trả Nợ ngân hàng chính sách xã hội - Chi nhánh tỉnhB tổng số tiền nợ tính đến ngày 29/10/2019 là 42.098.729 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng). Trong đó: Nợ gốc là 42.000.000 đồng; lãi là 98.729 đồng, tại chương trình cho vay hộ nghèo; mã món vay: 6600000709677898 ngày 16/3/2017;

Anh Lò Văn L1 phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội - Chi nhánh tỉnhB tiền lãi đối với số tiền gốc còn nợ tương ứng với thời điểm trả nợ tính từ ngày 30/10/2019 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ trên.

Về án phí:

Chị Cà Thị L được miễn án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn; anh Lò Văn L1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP Đ;
- UBND phường T. Thành phố ĐBP (Nơi đăng ký kết hôn);
- Chi cục THADS TP Đ;
- TAND tỉnhB;
- Lưu VP;
- Kế toán;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Định